

**Phụ lục XIII**  
**Appendix XIII**

**THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM  
CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**  
**NOTICE OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES/ COVERED WARRANTS  
OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSONS OF INTERNAL PERSON**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng  
Bộ Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of  
Finance)

**ĐIỀU MINH LƯƠNG**  
**DIEU MINH LUONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom – Happiness**

Số: ...../BC-.....

TP.HCM, ngày 24 tháng 7 năm 2026

No: ...../BC-.....

Ho Chi Minh City, month 7 day 24 year 2026

**THÔNG BÁO**

**Giao dịch cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ/ chứng quyền có bảo đảm của người nội bộ và người có liên  
quan của người nội bộ**

**NOTICE OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES/ COVERED WARRANTS  
OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSONS OF INTERNAL PERSON**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán;  
- Tổng Công Ty Việt Thắng – CTCP  
To: - The State Securities Commission;  
- The Stock Exchange;  
- Viet Thang Corporation – JSC

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/Information on individual/organisation  
conducting the transaction:

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/Name of individual/organisation: ĐIỀU MINH LƯƠNG/DIỀU  
MINH LƯƠNG.

- Quốc tịch/Nationality: Việt Nam/Vietnam.

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh  
nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi  
cấp/ID card No./Passport No. (as for individuals) or Business Registration Certificate No., License  
on Operations or relevant legal documents (as for organizations), date of issue, place of issue:  
Số/No.: Ngày cấp/Date of issuance: Nơi cấp/Issuing authority: Cục  
Cảnh sát QLHC về TTXH/Department of Administrative Management of Social Order.

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/Contact Address/address of head office:

Phường Cát Lái,

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/No.:

Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.

- Điện thoại/Telephone:

; Fax: ..... Email:

; Website:

.....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ *Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:*

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/ *Information of internal person of the public company/public fund who is the affiliated person of individual/organisation executing the transaction (in case the person executing transaction is the affiliated person of internal person of the public company/public fund):*

- Họ và tên người nội bộ/Name of internal person: **Điêu Chí Hảo/Dieu Chi Hao**

- Quốc Nationality: **Việt Nam/Vietnam**

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ID card/Passport No.:

- Địa chỉ thường trú/Permanent address:

**Phường An Khánh, TP.HCM, Việt Nam/  
Building, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.**

- Điện thoại liên hệ/Telephone: ; Fax: ..... Email:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/Current position in the public company, the fund management company: **TƯ. HĐQT**

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/Relationship of individual/organisation executing transaction with internal person: **Cha ruột/biological father.**

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held by the internal person (if any): **0 cp**

3. Mã chứng khoán giao dịch/Securities code: **TVT**

Mã chứng khoán cơ sở (đối với chứng quyền có bảo đảm)/Underlying securities code (for covered warrants):

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nêu tại mục 3/Trading accounts having shares/fund certificates/covered warrants mentioned at item 3 above: ..... tại công ty chứng khoán/In the securities company: tại Công Ty TNHH Chứng Khoán ACB/In securities company: **ACBS.**

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm **nắm giữ trước khi** thực hiện giao dịch/Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants **held before the transaction:** **1.674.150 cp (7,97%).**

Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở (nêu tại mục 3) **nắm giữ trước khi** thực hiện chứng quyền có bảo đảm \*/Number, ownership percentage of underlying securities (which are mentioned at item 3) **held before executing the covered warrants \*;**

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký **mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi/Number of shares/fund certificates/covered warrants registered to purchase/sale/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred/swap:**

- Loại giao dịch đăng ký (**mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi**)/Type of transaction registered (to **purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred/swap:** **100.000 cp.**

- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký giao dịch/ Number of shares/fund certificates/covered warrants registered for trading:

7. Giá trị giao dịch dự kiến (tính theo mệnh giá)/The expected value of transaction (which calculated based on par value): **1.000.000.000 đồng.**

Giá trị chứng quyền có bảo đảm (theo giá phát hành gần nhất) giao dịch dự kiến (đối với chứng quyền có bảo đảm)/Value of covered warrants (at the latest issuing price) expected to be traded (for covered warrants).

8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm dự kiến **nắm giữ sau khi** thực hiện giao dịch/Number and ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants expected to hold after the transaction: **1.774.150 CP (8.45%).**

9. Mục đích thực hiện giao dịch/Purpose of transaction: Cơ cấu danh mục đầu tư/Portfolio structure.

10. Phương thức giao dịch/Method of transaction: Giao dịch khớp lệnh hoặc thỏa thuận/Matching order or agreement transaction.

11. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch/Expected trading time: từ ngày/from **31.17.12.2026** đến ngày/to **28.18.12.2026**

\* Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở nắm giữ tại ngày thông báo giao dịch/ Number, ownership percentage of underlying securities held at the day of the notice. **ma**

**Nơi nhận:**

**Recipients:**

- .....;
- Lưu: VT,...
- Archived:.

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY  
QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
REPORTING ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS  
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) **ma**  
(Signature, full name and seal -if any)

  
**DIÊU MINH LƯƠNG**